UBND HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TRƯỜNG PT DTBT TIỂU HỌC HỪA NGÀI

Số: 119/BC-THHN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hừa Ngài, ngày 15 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO CÔNG KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
(Tính đến tháng 6 năm 2024)

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường:

Trường PTDTBT Tiểu học Hừa Ngài.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của nhà trường:

Địa chỉ: Bản Há Là Chủ A, xã Hừa Ngài, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Điện thoại: 0983954204

Website: https://thhuangai.muongcha.edu.vn/admin

3. Loại hình, cơ quan quản lý trực tiếp:

Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo; UBND huyện Mường Chà.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường:

4.1. Sứ mệnh

Xây dựng môi trường học tập toàn diện, thân thiện, hợp tác có chất lượng giáo dục cao, ở đây mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển bộc lộ hết tài năng của mình.

4.2. Tầm nhìn

Trường PT DTBT tiểu học Hừa Ngài là một ngôi trường có chất lượng giáo dục cao và toàn diện, là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và vươn tới thành công.

4.3. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường:

* Tình nhân ái
* Tính trung thực
* Sự hợp tác
* Tinh thần trách nhiệm
* Tính sáng tạo
* Lòng tự trọng

4.4. Mục tiêu chung:

Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển nhà trường

Trường PTDTBT Tiểu học Hừa Ngài huyện Mường Chà tiền thân là trường Tiểu học Hừa Ngài được thành lập theo QĐ số 342/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2005 trên cơ sở chia tách từ trường THCS Hừa Ngài huyện Mường

Chà, chính thức thành lập ngày 01/8/2005. Đến tháng 01/8/2014 trường Tiểu học Hừa Ngài được đổi tên trường thành trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Hừa Ngài theo QĐ số 45/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 của UBND huyện Mường Chà về việc đổi tên, thành lập trường Phổ thông dân tộc bán trú. Mục tiêu hiện nay của trường là giáo dục con em các dân tộc xã nhà có đủ năng lực, phẩm chất và trí tuệ để sau này phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong những năm qua nhà trường đã phấn đấu không ngừng hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ năm học. Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng nhà trường đang từng bước phát triển bền vững và ngày càng trưởng thành, đã đang và sẽ trở thành một ngôi trường có chất lượng giáo dục tốt, một địa chỉ tin cậy của cha mẹ học sinh địa phương.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và hoạt động của Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường để đáp ứng đổi mới nền kinh tế xã hội.

Trong những năm qua, Trường PT DTBT tiểu học Hừa Ngài liên tục được công nhận danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động xuất sắc" và tặng Giấy khen, Bằng khen. Hằng năm, có trên 80% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến, 6-7 cá nhân được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở", nhiều lượt cá nhân được tặng Bằng khen, giấy khen của các cấp.

Năm học 2017-2018, trường PT DTBT Tiểu học Hừa Ngài đã phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen; năm 2018-2019 được UBND Tỉnh Điện Biên tặng cờ thi đua xuất sắc; năm 2019-2020 được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Trường được công nhận phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3; Xóa mù chữ mức độ 2 năm 2015. Năm học 2014-2015, trường được công nhận là trường chuẩn Quốc gia mức độ 1. Năm học 2019-2020 trường được kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ II. Cho đến nay, nhà trường tiếp tục phấn đấu về mọi mặt để nâng cao chất lượng giáo dục, đạt được một số tiêu chí của trường chuẩn Quốc gia mức độ 2.

Nhà trường đã từng bước cải tạo, xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu dạy và học, xây dựng nhà trường xanh – sạch – đẹp – thân thiện; chất lượng giáo viên được nâng cao, nhà trường có 29,0% giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh; chất lượng học sinh được nâng lên rõ rệt, hàng năm có trên 99% học sinh hoàn thành chương trình lớp học, tỷ lệ học sinh hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc ngày càng cao.

Tình hình học sinh qua các năm:

Năm học	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng số lớp	Tổng số HS
2020-2021	125	99	103	112	108	21	547
2021-2022	131	126	99	105	112	21	573

2022-2023	111	127	126	100	105	21	569
2023-2024	138	112	127	125	100	22	602
2024-2025	99	138	108	129	126	22	600

Tình hình cán bộ giáo viên qua các năm

Năm học	Tổng số lớp	Số cán bộ QL	Số giáo viên	Số nhân viên	Trình độ Đại học trở lên
2020-2021	21	4	34	5	26
2021-2022	21	4	32	5	28
2022-2023	21	3	30	5	31
2023-2024	22	3	31	7	34
2024-2025	22	3	31	7	34

6. Thông tin người đại diện pháp luật của nhà trường.

Người đại diện pháp luật: Phạm Văn Diên

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Bản Há Là Chủ A, xã Hừa Ngài, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Số điện thoại: 0983954204

Gmail: dienpv.thhuangai.muongcha@dienbien.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập nhà trường

Trường PTDTBT Tiểu học Hừa Ngài huyện Mường Chà tiền thân là trường Tiểu học Hừa Ngài được thành lập ngày 01/8/2005 theo QĐ số 342/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2005 của UBND huyện Mường Chà, đặt tại Bản Há Là Chủ A, xã Hừa Ngài, huyện Mường Chà.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 5480/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND huyện Mường Chà về việc thành lập Hội đồng trường PTDTBT Tiểu học Hừa Ngài nhiệm kỳ 2023-2028.

Danh sách Hội đồng trường:

TT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh HĐ	Ghi chú
1	Phạm Văn Diên	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng	PTDTBT Tiểu học Hừa Ngài	Chủ tịch Hội đồng	
2	Lý A Lồng	Chủ tịch Công đoàn	PTDTBT Tiểu học Hừa Ngài	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Thị Thùy Dương	Tổ trưởng CM khối 4+5	PTDTBT Tiểu học Hừa Ngài	Thư ký	
4	Sìn Văn Đạnh	P. Hiệu trưởng	PTDTBT Tiểu	Ủy viên	

			học Hừa Ngài		
5	Lò Văn Trường	P. Hiệu trưởng	PTDTBT Tiểu học Hừa Ngài	Ủy viên	
6	Hoàng Văn Long	Bí thư Chi đoàn	PTDTBT Tiểu học Hừa Ngài	Ủy viên	
7	Hoàng Thu Trang	Tổ trưởng CM khối 1	PTDTBT Tiểu học Hừa Ngài	Ủy viên	
8	Lường Thị Viên	Tổ trưởng CM khối 2+3	PTDTBT Tiểu học Hừa Ngài	Ủy viên	
9	Ngô Thị Là	Tổ trưởng tổ văn phòng	PTDTBT Tiểu học Hừa Ngài	Ủy viên	
10	Vàng A Sàng	Phó Chủ tịch UBND xã	Phó Chủ tịch UBND xã	Ủy viên	
11	Sùng A Pềnh	Phụ huynh học sinh	Phụ huynh học sinh	Ủy viên	

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 6219/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 của UBND huyện Mường Chà Về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

Quyết định bổ nhiệm lại phó Hiệu trưởng: Quyết định số 5716/QĐ-UBND ngày 25/07/2024 của UBND huyện Mường Chà Về việc bổ nhiệm lại viên chức giữ chức vụ quản lý.

Quyết định điều động và bổ nhiệm phó Hiệu trưởng: Quyết định số1698/QĐ-UBND ngày 23/04/2024 của UBND huyện Mường Chà Về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường.

Cơ chế hoạt động của trường PTDTBT Tiểu học Hừa Ngài

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường

Trường PTDTBT Tiểu học Hừa Ngài huyện Mường Chà được thành lập ngày 01/8/2005 theo QĐ số 342/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2005 của UBND huyện Mường Chà, đặt tại Bản Há Là Chủ A, xã Hừa Ngài, huyện Mường Chà.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.
- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.
+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 25 đảng viên.
+ Tổ chức Công đoàn có 41 công đoàn viên.
+ Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có hơn 37 đoàn viên.
+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 03 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

TT	Họ tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Phạm Văn Diên	Hiệu trưởng	0983954204	dienpv.thhuangai.muongcha@dienbien.edu.vn
2	Sìn Văn Đạnh	Phó Hiệu trưởng	0367933765	danhsv.ptdtbtthhuangai.muongcha@dienbien.edu.vn
3	Lò Văn Trường	Phó Hiệu trưởng	0985311788	truonglv.thmathiho.muongcha@dienbien.edu.vn

Địa chỉ nơi làm việc: Bản Há Là Chủ A, xã Hừa Ngài, huyện Mường Chà.

8. Các văn bản khác của nhà trường:

+ Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch số 04/KH-THHN ngày 20/04/2021 Kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021-2025.

+ Quyết định số 45/QĐ-THHN ngày 28/9/2023 ban hành Quy chế làm việc của trường PT DTBT TH Hừa Ngài năm học 2023-2024.

+ Quy chế thi đua, khen thưởng.

+ Quy chế dân chủ ở cơ sở.

+ Quy chế chi tiêu nội bộ.

Tất cả các văn bản trên đều được công khai trên website nhà trường.

II. THU CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của nhà trường

STT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (năm T6/2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (T6/năm 2023)
1	Biên độ hoạt động trung bình ba năm		
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững		

2. Kết quả thu chi hoạt động

STT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (năm T6/2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (T6/năm 2023)
A	**Tổng thu hoạt động**		
I	**Hỗ trợ thường xuyên từ nhà Nước/nhà đầu tư**		
II	**Thu giáo dục và đào tạo**		
1	Học phí, lệ phí người học		
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNC		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		

4	Thu khác		
III	**Thu khoa học và công nghệ**		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNC		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	**Thu khác (Thu nhập dòng)**		
B	**TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG**		
I	**Chi lương, thu nhập**	6.949.684.500	3.837.787.186
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên		
2	Chi lương thu nhập cho cán bộ khác		
II	**Chi cơ sở vật chất và dich vụ**		
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác		
III	**Chi hỗ trợ người học**		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập		
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
V	**Chi khác**		
C	**CHÊNH LỆCH THU CHI**		

3. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội tính đến tháng 6 năm 2024

**** Chính sách hỗ trợ CPHT theo nghị định 116.***

- Tháng 1,2,3,4,5 năm 2024: Số tiền hỗ trợ là: 449.250.000 đ

**** Chính sách hỗ trợ HSKT:***

- Tháng 1,2,3,4,5 năm 2024: Số tiền hỗ trợ là: 7.700.000 đ

**** Chính sách hỗ trợ HS theo Nghị định 81***

- Số tiền hỗ trợ học sinh tổ chức ăn bán trú tháng 1,2,3,4,5 trong năm học 2024: 1.328.400.000 đ.

III. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng người làm việc	Số lượng người làm việc

		được giao	hiện có
I	**Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý**	**03**	**03**
1	Vị trí: Hiệu trưởng	01	01
2	Vị trí: Phó Hiệu trưởng	02	02
II	**Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành**	**31**	**31**
3	Vị trí việc làm: Giáo viên tiểu học hạng I	0	0
4	Vị trí việc làm: Giáo viên tiểu học hạng II	0	0
5	Vị trí việc làm: Giáo viên tiểu học hạng III	31	31
6	Vị trí việc làm: Giáo vụ	0	0
7	Vị trí việc làm: Tư vấn học sinh	0	0
8	Vị trí việc làm: Hỗ trỗ giáo dục người khuyết tật	0	0
III	**Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung**	**05**	**05**
9	Vị trí việc làm: Thư viện, thiết bị	01	01
10	Vị trí việc làm: Văn thư	01	01
11	Vị trí việc làm: Kế toán	01	01
12	Vị trí việc làm: Y tế học đường	01	01
13	Nhân viên thủ quỹ	01	01
IV	**Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ**	**05**	**05**
14	Vị trí việc làm: Nhân viên bảo vệ	02	02
15	Vị trí việc làm: Nhân viên nấu ăn	03	03
	Cộng	**44**	**44**

+ Trình độ được đào tạo:

STT	Chức vụ	Số lượng	Trình độ				
			Trên ĐH	Đại học	CĐ	TC	Khác
1	CBQL	3	0	3	0	0	0
2	GV	31	0	31	0	0	0
3	NV	7	0	1	1	2	3
Tổng		**41**	**0**	**35**	**1**	**2**	**3**

+ 100% Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

+ Các Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm.

+ Số GV dạy giỏi các cấp: Cấp trường: 17 đ/c; Cấp huyện: 09 đ/c; Cấp tỉnh: 02 đ/c.

2. Thông tin cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

STT	Nội dung	Năm báo cáo	Năm trước liền kề báo cáo

		Số lượng	Bình quân	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học/số lớp**	22/22	Số m^2/học sinh	22/22	Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**	22	-	22	-
1	Phòng học kiên cố	13	-	14	-
2	Phòng học bán kiên cố	9	-	8	-
3	Phòng học tạm	0	-	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-	0	-
III	**Số điểm trường lẻ**	4	-	5	-
IV	**Tổng diện tích đất** (m^2)	11.538	19,23	11.538	19,16
V	**Diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	4.030	6,72	4.030	6,69
VI	**Tổng diện tích các phòng**	1.081	1,80	1.081	1,79
1	Diện tích phòng học (m^2)	836	1,39	836	1,39
2	Diện tích thư viện (m^2)	80		80	
3	*Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m^2)*	0		0	
4	*Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m^2)*	35		35	
5	*Diện tích phòng ngoại ngữ (m^2)*	35		35	
6	*Diện tích phòng học tin học (m^2)*	35		35	
7	*Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m^2)*	40		40	
8	*Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m^2)*	0		0	
9	*Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m^2)*	20		20	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	22	Số bộ/lớp	22	Số bộ/lớp

1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	22		22	
1.1	Khối lớp 1	6	1 bộ/lớp	7	1 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	4	1 bộ/lớp	4	1 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	4	1 bộ/lớp	4	1 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	4	1 bộ/lớp	4	1 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	4	1 bộ/lớp	3	1 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0		0	
2.1	Khối lớp 1	0		0	
2.2	Khối lớp 2	0		0	
2.3	Khối lớp 3	0		0	
2.4	Khối lớp 4	0		0	
2.5	Khối lớp 5	0		0	
VIII	**Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	16	2,2 học sinh/bộ	16	2,2 học sinh/bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	8		8	
2	Cát xét	15		15	
3	Đầu Video/đầu đĩa	3		3	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	21		21	
5	Thiết bị khác...				

	Nội dung	Số lượng(m^2)		
X	**Nhà bếp**	45		
XI	**Nhà ăn**	120		
	Nội dung	Số lượng	Số chỗ	Diện tích bình

		phòng, tổng diện tích (m^2)		quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	0	0	0
XIII	**Khu nội trú**	16	450	$1m^2$/chỗ

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		7		$144/600=0,24m^2$
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XVII	**Kết nối internet**	x	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

*** Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:** (có thông báo danh mục SGK hàng năm kèm theo).

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*** Kết quả tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục:**

Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	-
Tiêu chí 1.2		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	-
Tiêu chí 1.6		x	x	-
Tiêu chí 1.7		x	x	-
Tiêu chí 1.8		x	x	-
Tiêu chí 1.9		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	-
Tiêu chí 2.4		x	x	-
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	-
Tiêu chí 3.2		x	x	-
Tiêu chí 3.3		x	x	-
Tiêu chí 3.4		x	x	-
Tiêu chí 3.5		x	x	-
Tiêu chí 3.6		x	x	-
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	-
Tiêu chí 4.2		x	x	-
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	-
Tiêu chí 5.2		x	x	-
Tiêu chí 5.3		x	x	-
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 2

Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
1. Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục		x	
2. Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.		x	
3. Thư viện có hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động của n hà trường.		x	
4. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.		x	
5. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện KTXH tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.		x	

Kết quả: Không đạt Mức 4

*** Kết luận tự đánh giá:** Trường PTDTBT Tiểu học Hừa Ngài đạt Mức 2.

*** Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng GD:**

- Nhà trường đã được đoàn của Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá ngoài theo các tiêu chí kiểm định chất lượng GD của Bộ GD, đến ngày 20/01/2020, Sở Giáo dục và Đào tạo đã có Quyết định công nhận nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

- Hằng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh:

- Đối tượng: HS trên địa bàn; chỉ tiêu: 97 em; phương thức tuyển sinh: xét tuyển; thời gian thực hiện tuyển sinh từ ngày 01/8/2024 đến ngày 16/8/2024.

- Hồ sơ tuyển sinh:

+ Bản sao, bản chính giấy khai sinh *(bản chính để đối chiếu).*

+ Bản photocopy số định danh cá nhân *(kèm theo bản chính để đối chiếu).*

+ Đơn xin học *(có mẫu kèm theo).*

b) Kế hoạch giáo dục:

Nhà trường tổ chức xây dựng các loại kế hoạch GD ngay từ đầu năm học (có các loại kế hoạch GD kèm theo).

c) Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh:

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội (có quy chế phối hợp kèm theo).

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh:

Nhà trường luôn quan tâm và tổ chức các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh, cụ thể như: Hoạt động trải nghiệm; GDKNS; Các hoạt động ngoài giờ chính khóa…

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh (có bảng công khai kèm theo).

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023-2024

- Kết quả tuyển sinh: Năm học 2023-2024 nhà trường tuyển sinh 7 lớp 1 với tổng số học sinh là 138 em.

LỚP	KHỐI	SỐ LỚP	SỐ HS	NỮ	DT	NDT	KT
1	**I**	7	138	63	138	63	
2	**II**	4	112	56	110	56	
3	**III**	4	127	60	126	60	1
4	**IV**	4	125	67	124	67	
5	**V**	3	100	51	99	50	
Cộng		**22**	**602**	**297**	**597**	**296**	**1**

Số học sinh chuyển đi, chuyển đến trong năm học 2023-2024:

+ Số học sinh đầu năm học: 602 em

+ Số học sinh chuyển đi: 6 em

+ Số học sinh chuyển đến: 6 em.

2. Thống kê kết quả đánh giá theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh lưu ban:

Kết quả năng lực L5

TT	Khối	Tổng số	Tự phục vụ, tự quản			Hợp tác			Tự học và giải quyết vấn đề			
			Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	
	5	100	41	59	0	46	54	0	38	62	0	
	Tổng	**100**	**41**	**59**	**0**	**46**	**54**	**0**	**38**	**62**	**0**	

Kết quả phẩm chất L5

TT	Khối	Tổng số	Chăm học, chăm làm			Tự tin, trách nhiệm			Trung thực, kỉ luật			Đoàn kết, yêu thương		
			Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
	5	100	38	62	0	42	58	0	45	55	0	39	61	0
	Tổng	**100**	**38**	**62**	**0**	**42**	**58**	**0**	**45**	**55**	**0**	**39**	**61**	**0**

Kết quả năng lực L1,2,3,4

TT	Khối	Tổng số	Năng lực tự chủ và tự học			Năng lực giao tiếp và hợp tác			Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo			Năng lực ngôn ngữ			Năng lực tính toán		
			Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
	1	138	61	77	0	59	79	0	61	77	0	56	82	0	59	79	0
	2	112	51	61	0	54	58	0	48	64	0	52	60	0	51	61	0
	3	127	55	72	0	55	72	0	70	57	0	56	71	0	60	67	0
	4	125	55	70	0	57	68	0	57	68	0	56	69	0	56	69	0
	Tổng	**502**	**222**	**280**	**0**	**225**	**277**	**0**	**236**	**266**	**0**	**220**	**282**	**0**	**226**	**276**	**0**

Năng lực khoa học	Năng lực Tin học	Năng lực Công nghệ	Năng lực thẩm mĩ	Năng lực thể chất

Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
60	78	0	x	x	x	x	x	x	60	78	0	65	73	0
53	59	0	x	x	x	x	x	x	54	58	0	50	62	0
56	71	0	74	53	0	58	69	0	61	66	0	60	67	0
55	70	0	59	66	0	55	70	0	54	71	0	57	68	0
224	**278**	**0**	**133**	**119**	**0**	**113**	**139**	**0**	**229**	**273**	**0**	**232**	**270**	**0**

Kết quả phẩm chất lớp 1,2,3,4

Tổng số	Yêu nước			Nhân ái			Chăm chỉ			Trung thực			Trách nhiệm		
	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
138	70	68	0	68	70	0	69	69	0	65	73	0	64	74	0
112	55	57	0	54	58	0	51	61	0	53	59	0	53	59	0
127	60	67	0	62	65	0	61	66	0	78	49	0	60	67	0
125	58	67	0	58	67	0	58	67	0	60	65	0	56	69	0
502	**243**	**259**	**0**	**242**	**260**	**0**	**239**	**263**	**0**	**256**	**246**	**0**	**233**	**269**	**0**

*** Chất lượng môn Tiếng Việt và Toán:**

Khối	Tổng số học sinh	Kết quả môn Tiếng Việt			Kết quả môn Toán			Ghi chú
		Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành	
1	7	138	56	82	0	59	79	
2	4	112	58	54	0	54	58	
3	4	127	61	66	0	56	71	
4	4	125	63	62	0	55	70	
5	3	100	27	73	0	37	63	
Tổng	**22**	**602**	**265**	**337**	**0**	**261**	**341**	

3. Số học sinh hoàn thành chương trình lớp học; Hoàn thành chương trình Tiểu học, kết quả các hội thi:

- Hoàn thành chương trình lớp học: 602/602 đạt tỷ lệ 100% (gồm 01 học sinh khuyết tật học hòa nhập).

- Hoàn thành chương trình Tiểu học: 100/100 em, đạt tỷ lệ 100%.

- Có 11 giải giao lưu học sinh môn Toán, Tiếng Việt cấp huyện, trong đó có 01 giải ba, 10 giải khuyến khích.

- Có 02 giải khuyến khích thi Olympic Tiếng Anh trên Internet cấp huyện và 02 giải khuyến khích cấp tỉnh.

Trên đây là báo cáo công khai các hoạt động giáo dục tính đến tháng 6/2024 của Trường PTDTBT Tiểu học Hừa Ngài./.

Nơi nhận:
- Phòng GD&ĐT Mường Chà;
- Website của nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ TIỂU HỌC HỪA NGÀI

Phạm Văn Diên